|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **ĐỀ MINH HỌA KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2024-2025 - MÔN: ĐỊA LÍ 11** |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN** |  |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

**Câu 1.** Để phán ánh sức khoẻ, giáo dục và thu nhập của con người giữa các quốc gia. Liên Hợp quốc đã phân chia các nhóm nước dựa vào

**A**. Cơ cấu kinh tế theo ngành.

**B**. Cơ cấu kinh tế theo thành phần.

**C.** Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người)

**D**. Chỉ số phát triển con người (HDI):

**Câu 2.** Ở nhóm nước phát triển, ngành kinh tế nào có đóng góp nhiều nhất trong cơ cấu GDP?

**A.** Nông nghiệp. **B.** Công nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Du lịch.

**Câu 3.** Về xã hội, các nước phát triển có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Cơ cấu dân số già. **B.** Tỉ lệ tăng dân số cao. **C.** Đô thị hóa muộn. **D.** Tỉ lệ dân thành thị thấp.

**Câu 4.** Các tổ chức nào sau đây là tổ chức liên kết khu vực ?

**A.** WTO, APEC. **B.** EU, ASEAN. **C.** ASEAN, WB. **D.** NAFTA, IMF.

**Câu 5.** Tổ chức nào sau đây có mục tiêu chủ yếu là thúc đẩy hợp tác về tiền tệ quốc tế?

**A.** IMF. **B.** WTO. **C.** EU. **D.** UN.

**Câu 6.** Biểu hiện của khu vực hóa kinh tế là

**A.** hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển.

**B.** thương mại nội vùng giữa các quốc gia suy giảm.

**C.** hình thành các rào cản thương mại giữa các nước.

**D.** nhiều tổ chức liên kết xã hội thế giới hình thành.

**Câu 7.** Phần lãnh thổ phía Nam của lục địa Nam Mĩ nằm trong đới khí hậu nào?

**A.** Xích đạo. **B.** Cận xích đạo. **C.** Cận nhiệt đới. **D.** Nhiệt đới.

**Câu 8.** Cơ cấu kinh tế các nước Mĩ La - tinh có sự chuyển dịch theo hướng

**A.** tăng tỉ trọng ngành công nghiệp. **B.** tăng tỉ trọng ngành dịch vụ.

**C.** giảm tỉ trọng ngành dịch vụ. **D.** tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp.

**Câu 9.** Dân cư Mĩ La - tinh có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Gia tăng dân số cao. **B.** Tỉ suất nhập cư lớn

**C.** Cơ cấu dân số vàng. **D.** Cơ cấu dân số trẻ.

**Câu 10.** Hiện nay, các nước phát triển thiếu hụt nguồn lao động chủ yếu do

**A.** tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao, cơ cấu dân số trẻ.

**B.** tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp, cơ cấu dân số già.

**C.** tuổi thọ trung bình thấp, tỉ lệ tăng tự nhiên cao.

**D.** tuổi thọ trung bình cao, tỉ lệ tăng tự nhiên cao.

**Câu 11.** Ảnh hưởng nào **không** phải của toàn cầu hóa kinh tế?

**A.** Góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia.

**B.** Thúc đẩy các nước cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

**C.** Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước.

**D.** Hình thành các rào cản thương mại đối với các nước bên ngoài.

**Câu 12.** Hệ quả nào sau đây là của khu vực hóa kinh tế?

**A.** Tăng cường chuyên môn hóa và hợp tác hóa trong sản xuất.

**B.** Hình thành và phát triển mạng lưới chuỗi liên kết toàn cầu.

**C.** Tạo lập thị trường lớn, thúc đẩy đầu tư và thương mại nội khối.

**D.** Gia tăng sự phân hóa trình độ kinh tế, khoảng cách giàu nghèo.

**Câu 13.** Mục đích quan trọng nhất của Liên hợp quốc (UN) là

**A.** thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các nước. **B.** phát triển quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

**C.** duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. **D.** hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do.

**Câu 14.** Để bảo vệ hòa bình, các nước cần

**A.** tăng cường đối thoại và hợp tác. **B.** thành lập khối liên minh quân sự.

**C.** hạn chế vai trò của tổ chức quốc tế. **D.** thường xuyên diễn tập quân sự.

**Câu 15.** Tài nguyên khoáng sản đa dạng ở khu vực Mỹ Latinh là cơ sở để phát triển ngành nào sau đây?

**A**. Công nghiệp dược phẩm. **B.** Công nghiệp luyện kim.

**C**. Công nghiệp khai khoáng. **D.** Công nghiệp thực phẩm.

**Câu 16.** Lợi thế chủ yếu để các nước Mỹ La-tinh phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới là

**A.** sinh vật phong phú, đa dạng. **B.** có nhiều loại đất khác nhau.

**C.** nhiều cao nguyên bằng phẳng. **D.** khí hậu có tính chất nóng, ẩm.

**Câu 17.** Quá trình đô thị hóa tự phát ở Mỹ La-tinh dẫn đến những hậu quả chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thu nhập của dân cư đô thị bị giảm sút nhanh.  **B.** Thất nghiệp tăng và ô nhiễm môi trường.

**C.** Giảm sức hút đầu tư trong và ngoài nước. **D.** Cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng xuống cấp.

**Câu 18:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ Latinh?

**A.** Nông nghiệp chiếm tỉ trọng thấp trong GDP. **B.** Quy mô GDP giữa các nước chênh lệch lớn.

**C.** Nhiều nước có tỉ lệ nợ nước ngoài rất cao. **D.** Tốc độ tăng trưởng GDP luôn ổn định.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1: Cho bảng sau:**

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu**  **Nước** | | **GNI/**  **người**  **(USD)** | **HDI** | **Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số** (%) | **Cơ cấu dân số** (%) | | | **Tuổi thọ trung bình** (năm) |
| **Dưới 15 tuổi** | **Từ 15 đến 64 tuổi** | **Từ 65 tuổi trở lên** |
| Phát triển | Đức | 47 520 | 0,94 | -0,2 | 14,0 | 64,0 | 22,0 | 81,1 |
| Nhật Bản | 40 840 | 0,92 | -0,3 | 12,4 | 59,2 | 28,4 | 84,7 |
| Đang phát triển | Nam Phi | 6 010 | 0,72 | 1,1 | 29,0 | 65,0 | 6,0 | 65,3 |
| Việt Nam | 3 390 | 0,71 | 1,0 | 23,0 | 69,0 | 8,0 | 75,4 |

*(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)*

**a)** GNI/người, HDI, tuổi thọ trung bình của nước phát triển cao hơn nước đang phát triển.

**b)** Nước phát triển có chất lượng cuộc sống cao, cơ cấu dân số già.

**c)** Nước đang phát triển có nguồn lao động dồi dào là động lực để phát triển kinh tế.

**d)** Sự chênh lệch về trình độ xã hội giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển chủ yếu là do sự khác biệt về lịch sử khai thác lãnh thổ và nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 2. Cho thông tin sau:**

Tính đến năm 2022, Việt Nam đã là thành viên của nhiều tổ chức khu vực, quốc tế lớn (ASEAN, ASEM, APEC, WTO…). Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 192 nước, trong đó có tất cả các nước lớn, có quan hệ kinh tế với 221 quốc gia và vùng lãnh thổ. Từ 1995-2022, Việt Nam thu hút được 39 nghìn dự án vốn đầu tư nước ngoài với hơn 541 tỉ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2022 đạt 732 tỉ USD, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế.

(Nguồn: <https://vietnamhoinhap.vn/>)

**a)** Việt Nam chưa thu hút được nhiều dự án và nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

**b)** Việt Nam chưa tham gia sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

**c)** Thị trường buôn bán của Việt Nam mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.

**d)** Việc tích cực hội nhập, mở cửa nền kinh tế trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI VÀ GDP TOÀN THẾ GIỚI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2010 | 2020 |
| Giá trị thương mại | 8 766,0 | 16 038,5 | 37 918,9 | 44071,3 |
| Giá trị GDP | 22 779,9 | 33 830,8 | 66 596,0 | 84 906,8 |

(Đơn vị: Tỉ Đô la Mỹ)

(Nguồn: World Bank, 2022)

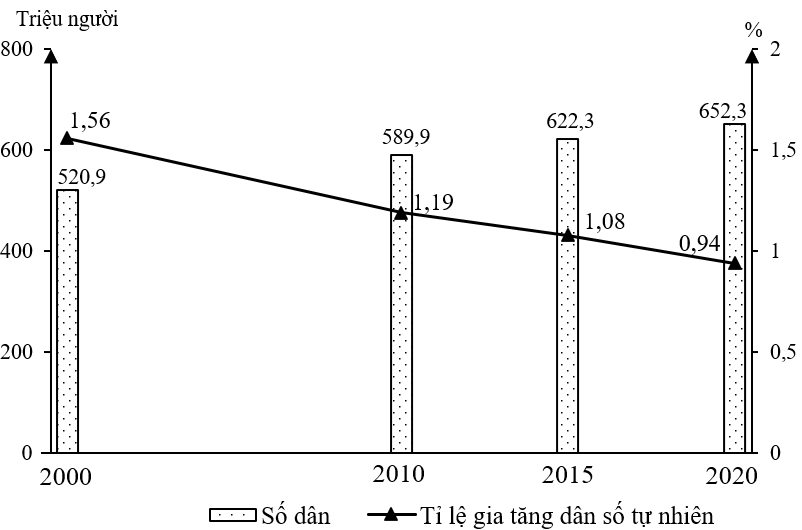
**a)** Giá trị thương mại và giá trị GDP đều tăng.

**b)** Tốc độ tăng trưởng GDP cao hơn tốc độ tăng thương mại.

**c)** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị thương mại và giá trị GDP toàn thế giới giai đoạn 1990-2020 là biểu đồ miền.

**d)** Thương mại phát triển chứng tỏ toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh tế.

**Câu 4**. Cho biểu đồ sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA KHU VỰC MỸ LA TINH, GIAI ĐOẠN 2000-2020

*(Nguồn: Ngân hàng thế giới, 2022)*

**a)** Mỹ La Tinh là khu vực có quy mô dân số đông.

**b)** Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở Mỹ La Tinh đã giảm nhưng dân số vẫn tăng thêm.

**c)** Bùng nổ dân số đang diễn ra mạnh mẽ ở Mỹ La Tinh.

**d)** Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm đã thúc đẩy quá trình già hóa dân số ở Mỹ La Tinh.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn**. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Năm 2021, trị giá xuất khẩu của Việt Nam là 336,1 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**Câu 2.** Năm 2020, trị giá xuất khẩu của thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của toàn thế giới năm 2020. (lấy kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

**Câu 3.**  Biết diện tích của Mĩ La tinh là 20111,5 nghìn km2, dân số là 659300 nghìn người (năm 2022). Hãy cho biết mật độ dân số của Mĩ La tinh năm 2022 là bao nhiêu người/ km2 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km2).

**Câu 4.** Năm 2019, Mỹ La tinh đón 202 triệu khách du lịch quốc tế và doanh thu từ khách quốc tế đạt 75.600 triệu USD. Hãy tính chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách quốc tế.(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD/người).

**Câu 5.** Năm 2021, dân số của Bra- xin là 214,8 triệu người, số dân thành thị là 187,5 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân thành thị của Bra- xin. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %). (**Đáp án: 87)**

**Câu 6:** Năm 2022, tỉ lệ suất sinh của Chi-lê là 11‰, tỉ suất tử là 9‰. Hãy cho biết tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của Chi-lê là bao nhiêu (đơn vị ‰).

**---HẾT---**